

Số: 2052 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 09 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 16 lô đất ở tại Khu đô thị mới Long Vân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 16 lô đất ở tại Khu đô thị mới Long Vân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn (đợt 1, năm 2023);

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 270/TTr-STC ngày 05/6/2023 kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh ngày 02/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 16 lô đất ở tại Khu đô thị mới Long Vân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn; chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất đối với 16 lô đất ở nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, TP, TN&MT;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC LÔ ĐẤT ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐỀ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ
Khu Đô thị mới Long Vân (Khu A1), Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2023 của UBND tỉnh)

TT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích (m2)	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá đất ở khởi điểm theo giá thị trường đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 (đồng/m2)	Đơn giá đất ở khởi điểm theo giá thị trường Sở Tài chính đề nghị điều chỉnh (đồng/m2)	Tỷ lệ (%) tăng +; giảm -	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	KHU Ỡ THƯƠNG MẠI (OTM)								
1	OTM1-21	1	217,50	Tuyến Long Vân-Long Mỹ Tuyến N6	42 50	29.160.000	27.702.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	OTM2-1	1	229,50	Tuyến Long Vân-Long Mỹ Tuyến N6	42 50	29.160.000	27.702.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
3	OTM2-20	1	228,50	Tuyến Long Vân-Long Mỹ Tuyến N8	42 15,5	29.160.000	27.702.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
4	OTM3-1	1	217,50	Tuyến Long Vân-Long Mỹ Tuyến N8	42 15,5	29.160.000	27.702.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
5	OTM6-1	1	362,50	Tuyến Long Vân-Long Mỹ Tuyến N6	42 50	29.160.000	27.702.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
6	OTM6-20	1	309,00	Tuyến Long Vân-Long Mỹ Tuyến N8	42 15,5	29.160.000	27.702.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
7	OTM7-1	1	312,50	Tuyến Long Vân-Long Mỹ Tuyến N8	42 15,5	29.160.000	27.702.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
8	OTM7-16	1	268,00	Tuyến Long Vân-Long Mỹ Tuyến N11	42 37	29.160.000	27.702.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
II	KHU Ỡ LIÊN KẾ (KHU LK)								
1	LK2-1	1	172,50	Tuyến N6 Tuyến D3	50 15,5	25.920.000	24.624.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	LK2-40	1	143,00	Tuyến D3 Tuyến N8	15,5 15,5	25.920.000	24.624.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
3	LK3-1	1	144,50	Tuyến N8 Tuyến D3	15,5 15,5	25.920.000	24.624.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
4	LK3-32	1	124,50	Tuyến N11 Tuyến D3	37 15,5	25.920.000	24.624.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)

TT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích (m2)	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá đất ở khởi điểm theo giá thị trường đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 823/QĐ- UBND ngày 17/3/2023 (đồng/m2)	Đơn giá đất ở khởi điểm theo giá thị trường Sở Tài chính đề nghị điều chỉnh (đồng/m2)	Tỷ lệ (%) tăng +; giảm -	Ghi chú
5	LK6-1	1	221,50	Tuyến D4 Tuyến giao thông nội bộ	15,5 15,5	27.000.000	25.650.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
6	LK7-1	1	279,00	Tuyến D4 Tuyến N6	15,5 50	27.000.000	25.650.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
7	LK7-20	1	229,00	Tuyến D4 Tuyến N8	15,5 15,5	27.000.000	25.650.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
8	LK8-1	1	218,50	Tuyến D4 Tuyến N8	15,5 15,5	27.000.000	25.650.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
	Tổng Cộng	16							